TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B Đ** TỈNH BÌNH PHƯỚC	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 16/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 16/12/2021
V/v: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B Đ TỈNH BÌNH PHƯỚC

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Thị Chức
Các Hội thẩm nhân dân: ông Đoàn Mạnh Quang và bà Điểu Thị Hương
***- Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa*:** Ông Nguyễn Văn Hưng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B Đ, tỉnh Bình Phước tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B Đ, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 63/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2021 về việc "*Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2021/QĐ XXST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 16/2021/QĐST-HNGĐ ngày 30/11/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm: 1999 (có mặt).
Địa chỉ: Ấp 05, xã H Ph, huyện B Đ, tỉnh Bình Phước.
Bị đơn: Anh Hà Viết D, sinh năm: 1994 (vắng mặt).
Địa chỉ: Thôn 04, xã Th H, huyện B Đ, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn yêu cầu ly hôn đề ngày 29/4/2021, các biên bản làm việc tại tòa án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc T trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* chị Nguyễn Thị Ngọc T và anh Hà Viết D kết hôn hoàn toàn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã Th H, huyện B Đ, tỉnh Bình Phước vào ngày 13/11/2018. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc không có hạnh phúc. Nguyên nhân chính là do hai vợ chồng thường xuyên cãi nhau, bất đồng quan điểm sống, hiện tại hai vợ chồng anh chị đã sống ly thân cách đây khoảng hơn một năm nay. Xét thấy, tình cảm của chị với anh D đã không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên chị T làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D.
- *Về con chung:* Chị T, anh D chưa có con chung
- *Về tài sản chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- *Về nợ chung:* Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, chị T không có yêu cầu gì khác;

Bị đơn anh Hà Viết D trong quá trình giải quyết vắng mặt mặc dù đã được Tòa án tống đạt và niêm yết các văn bản tố tụng. Vì vậy, anh D không thể hiện được ý kiến của mình.

Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Vì anh D vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được vụ án.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết

Bị đơn anh Hà Viết D vắng mặt đến lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do và không có đơn đề nghị vắng mặt, mặc dù Tòa án niêm yết các văn bản tụng cho bị đơn. Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B Đ, tỉnh Bình Phước phát biểu ý kiến:

- *Về việc tuân theo pháp luật*: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án*: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 51, 53, 54, 56,57 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc T về việc "Ly hôn" đối với bị đơn anh Hà Viết D.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Xét đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc T thuộc trường hợp "Ly hôn" được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn anh Hà Viết D có địa chỉ tại thôn 04, xã Th H, huyện B Đ, tỉnh Bình Phước.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 33, điểm a, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B Đ, tỉnh Bình Phước.

[2]Về tố tụng:

Bị đơn anh Hà Viết D mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do đồng thời không có yêu cầu phản tố. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3]Về nội dung vụ án:

-*Về hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị Ngọc T và anh Hà Viết D kết hôn hoàn toàn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã Th H, huyện B Đ, tỉnh Bình Phước vào ngày 13/11/2018. Xét đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn chị T, anh D chung sống hạnh phúc được khoảng 02 năm thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, cãi vả trong cuộc sống hằng ngày, hiện tại chị T không còn tình cảm với anh D, hai vợ chồng đã sống ly thân với nhau khoảng hơn một năm nay.

Theo biên bản xác minh về tình trạng hôn nhân ngày 15/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện B Đ, tỉnh Bình Phước nơi chị T, anh D đang sinh sống được biết: Ban điều hành thôn 4 không nắm rõ tình trạng hôn nhân giữa chị T, anh D.

Theo biên bản xác minh ngày 29/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện B Đ đối với bà Trần Thị G (là mẹ ruột của anh D) được biết: Chị T, anh D đi làm ở thành phố B D nên bà không

nắm rõ tình trạng hôn nhân giữa chị T, anh D. Bà chỉ nắm rõ việc chị T đã sống ly thân với anh D cách đây khoảng 6 đến 7 tháng nay.

Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị T, anh D đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc T đối với bị đơn anh Hà Viết D là hoàn toàn phù hợp với các qui định của pháp luật.

- *Về con chung:* Trong quá trình chung sống, chị T, anh D chưa có con chung.

- *Về tài sản chung*: Chị Nguyễn Thị Ngọc T không yêu cầu Tòa án giải quyết; *Nợ chung:* Không có. Hội đồng xét xử không xét.

- *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Chị Nguyễn Thị Ngọc T phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147;Điểm b khoản 2 Điều 227của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 51; 53; 56; 57 của Luật hôn nhân và gia đình 2014.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức, thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc "Ly hôn"của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc T đối với bị đơn anh Hà Viết D.

1.Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc T được ly hôn anh Hà Viết D.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Ngọc T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện B Đ theo biên lai thu tiền số 022166 ngày 11/5/2021.

3.Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày pbản án được niêm yết công khai

Nơinhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện B Đ;
- THADS huyện B Đ;
- UBND xã Th H;
- UBND phường Thới Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lâm Thị Chức